

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2019/DS-ST

Ngày: 13-9-2019

V/v tranh chấp tài sản chung
là quyền sử dụng đất và
tranh chấp về thừa kế tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương Diệp.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Quang Xệt;

Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Đình Hưởng, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Giáp, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 11 và 13 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 194/2018/TLST-DS ngày 11 tháng 9 năm 2018 về tranh chấp chia tài sản chung là quyền sử dụng đất và tranh chấp về thừa kế tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 39/2019/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 6 năm 2019 và Thông báo mở lại phiên tòa số 27/2019/TB-TA ngày 21 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1967; địa chỉ: Tổ 2, khu phố Cây Da, phường Thanh Phước, thị xã T, tỉnh B; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Đặng Phước Hoàng Mai, sinh năm 1974; địa chỉ: Số 62, Nguyễn Huy Tự, phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo ủy quyền (Theo văn bản ủy quyền ngày 19-7-2019); có mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1964; địa chỉ: Số 20/25, ấp Tân Hòa, xã Tân Bình, thành phố T, tỉnh T; tạm trú: Khu phố Tân Lương, phường Thanh Phước, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim Trinh, sinh năm 1985; địa chỉ: Tổ 3, khu phố 8, phường Uyên Hưng, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình

Dương; là người đại diện theo ủy quyền (Theo văn bản ủy quyền ngày 23-7-2019); có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1942; địa chỉ: Khu phố Cây Da, phường Thanh Phước, thị xã T, tỉnh B; có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án.

2. Ông Lê Văn H1, sinh năm 1946; địa chỉ: Số A/158, khu phố 1, phường Tân Vạn, thành phố B, tỉnh Đ; có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án.

3. Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1953; địa chỉ: Tổ 2, khu phố Cây Da, phường Thanh Phước, thị xã T, tỉnh B; có mặt.

4. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1956; địa chỉ: Số 129/16, ấp An Hòa, xã Hóa An, thành phố B, tỉnh Đ; có mặt.

5. Bà Nguyễn Thị Thanh T1, sinh năm 1969; địa chỉ: Tổ 2, khu phố Cây Da, phường Thanh Phước, thị xã T, tỉnh B; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà H, ông H1, ông S, ông T, bà T1: Ông Nguyễn Đức Hòa, sinh năm 1971; địa chỉ: Số 7/6A, tổ 5, khu phố 2, đường Thích Quảng Đức, phường Phú Cường, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương; là người đại diện theo ủy quyền (Theo văn bản ủy quyền ngày 04-10-2018); có mặt.

6. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1950; địa chỉ: Tổ 2, khu phố Cây Da, phường Thanh Phước, thị xã T, tỉnh B; có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà L: Ông Nguyễn Đức Hòa, sinh năm 1971; địa chỉ: Số 07/6A, tổ 5, khu phố 2, đường Thích Quảng Đức, phường Phú Cường, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (Theo văn bản ủy quyền ngày 09-10-2018); có mặt.

7. Bà Nguyễn Trần Hải G, sinh năm 1990; địa chỉ: Tổ 2, khu phố Cây Da, phường Thanh Phước, thị xã T, tỉnh B;

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà G: Bà Đặng Phước Hoàng Mai, sinh năm 1974; địa chỉ: Số 62, Nguyễn Huy Tự, phường Đa Kao, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo ủy quyền (Theo văn bản ủy quyền ngày 19-7-2019); có mặt.

8. Văn phòng công chứng Trần Hữu Đức; địa chỉ: Khu dân cư thương mại Uyên Hưng, khu phố 3, phường Uyên Hưng, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Người đại diện hợp pháp: Bà Trần Hữu Đức -Trưởng Văn phòng; có đơn xin vắng mặt.

- Người làm chứng:

1. Ông Trần Văn N, sinh năm 1956; địa chỉ: Khu phố Cây Da, phường Thanh Phước, thị xã T, tỉnh B; vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị Ng; địa chỉ: Khu phố Cây Da, phường Thanh Phước, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1955; địa chỉ: Tổ 4, khu phố Tân Ba, phường Thái Hòa, thị xã T, tỉnh B; có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 27-8-2018, đơn thay đổi bổ sung ngày 09-5-2019, văn bản xác nhận nội dung khởi kiện ngày 29-5-2019 và văn bản xác nhận nội dung khởi kiện ngày 16-8-2019, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn thống nhất trình bày:

Cha mẹ ông Nguyễn Văn L là cụ Nguyễn Thị Hoài, sinh năm 1926, chết năm 2007 và cụ Nguyễn Văn Mừng, sinh năm 1919, chết năm 2001. Cụ Nguyễn Thị Hoài và cụ Nguyễn Văn Mừng có tất cả 08 người con chung, gồm: Bà Nguyễn Thị H, ông Lê Văn H1, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị G, ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Thanh T1.

Ngoài những người con chung trên, cụ Mừng và cụ Hoài không có con nuôi, con riêng nào khác. Cụ Mừng và cụ Hoài chết không để lại di chúc.

Vào năm 1999, hộ cụ Nguyễn Thị Hoài được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00579 QSSĐ/TU ngày 23-8-1999, diện tích đất được cấp 3.192m², tại phường Thanh Phước, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hộ cụ Hoài gồm có các thành viên: Cụ Nguyễn Thị Hoài, cụ Nguyễn Văn Mừng, bà Nguyễn Thị G, ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị Thanh T1 và bà Nguyễn Trần Hải G. Trong tổng diện tích đất 3.192m² có 1.971m², thuộc thửa 586 có nguồn gốc là của ông Trần Văn Nhơn nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn Nuôi. Sau đó, ông Nhơn cho lại ông L sản xuất với điều kiện ông L phải nuôi dưỡng, chăm sóc cụ Nguyễn Thị Hoài. Việc ông Nhơn cho ông L diện tích đất 1.971m² không thể hiện bằng văn bản nhưng được ông Nhơn thừa nhận tại Bản án số 14/2002/DS-ST ngày 16-8-2002 của Tòa án nhân dân huyện (nay là thị xã) Tân Uyên và Bản án số 178/DSPT ngày 26-12-2002 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương và được ông Trần Văn Nhơn và bà Nguyễn Thị Nga xác nhận. Sau khi nhận đất từ ông Nuôi, ông L trồng lúa, hoa màu trên đất. Đến năm 1999, cụ Hoài đi đăng ký, kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ cụ Nguyễn Thị Hoài, trong đó bao gồm cả phần đất ông Nhơn, bà Nga cho ông L. Khi cụ Hoài đi đăng ký, kê khai đối với diện tích đất 1.971m² do ông L ở cùng hộ khẩu với cụ Hoài và do ông L là con của cụ Hoài nên để cho cụ Hoài đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 1.971m². Tuy nhiên, ông L vẫn là người canh tác, sử dụng đất từ năm 1989 cho đến năm 2001. Từ năm 2002, ông L giao lại cho bà Nguyễn Thị H canh tác, lý do giao đất cho bà H canh tác là vì năm 2001, cụ Hoài chuyển nhượng thửa đất 586, tờ bản đồ số 09, cho ông Nguyễn Minh Phúc và bà Nguyễn Thị Ngọc Thoa. Khi phát hiện sự việc, ông L

đã khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện (nay là thị xã) Tân Uyên để yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa cụ Nguyễn Thị Hoài với ông Nguyễn Minh Phúc và bà Nguyễn Thị Ngọc Thoa. Do đó, giữa ông L và cụ Hoài xảy ra mâu thuẫn nên ông L để lại cho bà H canh tác, lấy lúa giao cho cụ Hoài sinh sống.

Theo đơn khởi kiện ngày 27-8-2018, ông L yêu cầu chia cho ông Nguyễn Văn L 1.671m² đất thuộc thửa đất số 586 và chia cho bà Nguyễn Thị G, bà Nguyễn Thị Thanh T1 và bà Nguyễn Trần Hải G mỗi người diện tích đất 100m². Tuy nhiên, sau khi đo đạc thực tế diện tích đất còn lại là 1.782,1m² nên ngày 09-5-2019 ông L thay đổi yêu cầu khởi kiện, ông L yêu cầu Tòa án công nhận cho ông L diện tích đất 1.082,1 m², diện tích còn lại 700m² ông L tặng cho các anh, chị, em ông L là bà Nguyễn Thị H, ông Lê Văn H1, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị G và bà Nguyễn Thị Thanh T1 mỗi người 100m² đất; ngày 16-8-2019, ông L có văn bản xác nhận lại nội dung đơn khởi kiện, ông L yêu cầu chia cho ông L diện tích đất 1.082,1m², diện tích đất còn lại 700m² chia đều cho bà Nguyễn Thị H, ông Lê Văn H1, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị G và bà Nguyễn Thị Thanh T1 mỗi người 100m².

Đối với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H, ông Lê Văn H1, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Thanh T1, bà Mai không đồng ý chia diện tích đất 1.782,1m² cho các đồng thừa kế của cụ Hoài và cụ Mừng.

Đối với yêu cầu hủy Văn bản khai nhận di sản thừa kế và thỏa thuận phân chia tài sản chung của hộ do Văn phòng công chứng Trần Hữu Đức công chứng số 1533, quyền số 03/2018/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 27-3-2018, bà Mai đồng ý.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và cho rằng diện tích đất 1.782,1m², thửa 586, tờ bản đồ số 09, là tài sản riêng của ông L. Do vậy, nguyên đơn yêu cầu chia 1.082,1 m² cho nguyên đơn, diện tích còn lại 700m² chia cho các anh, chị, em ông L là bà Nguyễn Thị H, ông Lê Văn H1, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị G và bà Nguyễn Thị Thanh T1 mỗi người 100m² đất.

Chứng cứ do nguyên đơn giao nộp cho Tòa án: Bản sao chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu ông Nguyễn Văn L; bản sao Trích lục khai sinh của ông Nguyễn Văn Mừng; bản photo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00579 QSDĐ/TU ngày 23-8-1999; bản photo Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 69/2018/QĐST-DS ngày 17-8-2018; bản photo Giấy chứng tử của bà Nguyễn Thị Hoài, giấy chứng tử của ông Nguyễn Văn Mừng; bản chính Tờ tường trình quan hệ nhân thân; bản án số 178/DSPT ngày 26-12-2002 và bản án số 14/DSST ngày 16-8-2002; bản sao Hồ sơ cung cấp thông tin số 1006/TTĐĐ ngày 07-9-2018 đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00579/QSDĐ/TU cấp cho hộ bà Nguyễn Thị Hoài; bản sao Trích lục khai tử

Nguyễn Văn Mừng, Nguyễn Thị Hoài; bản photo Thông báo nộp thuế ngày 09-12-1998, ngày 14-11-1997, ngày 12-11-2002, ngày 06-9-2001, ngày 20-9-2000, ngày 28-12-1995, ngày 02-9-1998; bản photo Biên lai thu thuế ngày 25-9-2001, ngày 15-6-1995, ngày 17-4-1998, ngày 04-6-1995, ngày 17-10-1998, 16-11-2002; bản chính bản tường trình bà Nguyễn Thị Nga, bản tường trình ông Trần Văn Nhơn, đơn xin xác nhận ngày 22-01-2018.

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn và người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Nguyễn Thị Kim Trinh thống nhất trình bày:

Bà Trinh thống nhất với người đại diện hợp pháp của nguyên đơn về quan hệ huyết thống.

Về nguồn gốc đất tranh chấp: Thửa đất số 586, tờ bản đồ số 09, tại phường Thanh Phước, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, có nguồn gốc bà G cùng cha mẹ là cụ Mừng và cụ Hoài mượn đất của ông Nguyễn Văn Nuôi vào năm 1975 để canh tác, trồng lúa. Năm 1991, cụ Hoài nhận chuyển nhượng phần đất này của ông Nuôi với diện tích khoảng 03 sào tương đương 3.000m². Do cụ Hoài đã canh tác trên phần đất này nên khi ông Nuôi có nhu cầu chuyển nhượng đất, cụ Hoài nhận chuyển nhượng luôn nên không có giấy tờ chuyển nhượng. Thời điểm cụ Hoài nhận chuyển nhượng đất của ông Nuôi thì ông L còn nhỏ. Sau khi nhận chuyển nhượng đất, cha mẹ của bà G và các con gồm bà Nguyễn Thị G, ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị Thanh T1 canh tác, sử dụng thửa đất này. Năm 1999, Ủy ban nhân dân huyện (nay là thị xã) Tân Uyên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00579 QSSĐ/TU ngày 23-8-1999 cho hộ cụ Nguyễn Thị Hoài, diện tích 3.192m², trong đó thửa 586 có diện tích 1.971m². Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ cụ Hoài thì hộ cụ Hoài gồm có cụ Nguyễn Văn Mừng, cụ Nguyễn Thị Hoài, bà Nguyễn Thị G, ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị Thanh T1 và bà Nguyễn Trần Hải G. Lúc này, ông L đã lập gia đình và ra ở riêng. Cụ Nguyễn Thị Hoài cùng với bà Nguyễn Thị G quản lý, sử dụng và trồng lúa trên đất, có đóng thuế nông nghiệp. Năm 2006, cụ Hoài tặng cho thửa đất 394, 395 cho vợ chồng bà Nguyễn Thị L; tặng cho thửa đất số 441 cho vợ chồng bà Nguyễn Thị H và chuyển nhượng thửa đất số 961 cho bà Nguyễn Thị Khánh Vân thì ông L đều biết và không có ý kiến. Mặt khác, ngày 27-3-2018, các đồng thừa kế của cụ Nguyễn Thị Hoài gồm bà Nguyễn Thị H, ông Lê Văn H1, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị G, ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Thanh T1 đã lập Văn bản khai nhận di sản thừa kế và thỏa thuận phân chia tài sản chung của hộ, nội dung văn bản ngày 27-3-2018 thể hiện các đồng thừa kế của cụ Nguyễn Thị Hoài thống nhất thỏa thuận nhập chung quyền sử dụng đất diện tích 1.971m² để cùng đứng tên, quản lý, sử dụng, định đoạt. Trong diện tích đất 1.971m² (đo đạc thực tế 1.782,1m²), thửa 586, tờ bản đồ số 09, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00579 QSSĐ/TU ngày 23-8-1999 có một phần là tài sản chung của ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị Thanh T1, bà Nguyễn Thị G và một phần là di sản thừa kế do cụ Mừng và cụ Hoài để lại.

Do vậy, trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia tài sản chung của hộ cụ Nguyễn Thị Hoài và yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H, ông Lê Văn H1, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Thanh T1 về việc tranh chấp về thừa kế tài sản, bị đơn không đồng ý; bị đơn có ý kiến đề nghị Tòa án chia diện tích đất 1.782,1m² cho các thành viên trong hộ cụ Hoài gồm bà Nguyễn Thị Hoài, ông Nguyễn Văn Mừng, Nguyễn Thị G, Nguyễn Văn L, Nguyễn Thanh T1. Còn bà Nguyễn Trần Hải G (con ông L) không có công sức đóng góp trong việc hình thành tài sản trên nên không chia cho bà G. Đối với phần đất của cụ Hoài và cụ Mừng đề nghị chia thừa kế cho các 08 người con gồm ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị G, bà Nguyễn Thị H, ông Lê Văn H1, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Thanh T1; bà G yêu cầu được chia diện tích đất tại cạnh hướng Bắc của thửa đất 586, tờ bản đồ số 09.

Tại phiên tòa, bị đơn và người đại diện hợp pháp của bị đơn vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày như trên.

Chứng cứ do bị đơn giao nộp cho Tòa án: Bản chính Giấy xác nhận do ông Phạm Văn Nhỏ xác nhận ngày 14-12-2018 và bà Huỳnh Thị Hoàng xác nhận vào ngày 23-01-2019.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H, ông Lê Văn H1, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Thanh T1 – ông Nguyễn Đức Hòa trình bày:

Ông Hòa thống nhất với người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của bị đơn về quan hệ huyết thống.

Về nguồn gốc đất tranh chấp: Ông Hòa thống nhất với người đại diện hợp pháp của bị đơn về nguồn gốc thửa đất số 586, tờ bản đồ số 09, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00579 QSSĐ/TU ngày 23-8-1999 là của hộ cụ Nguyễn Thị Hoài sang nhượng của ông Nguyễn Văn Nuôi (đã chết) vào năm 1991. Vợ chồng cụ Hoài, cụ Mừng là người trực tiếp canh tác quản lý, sử dụng từ trước đến nay, đến khi cụ Mừng chết vào năm 2001 thì cụ Hoài là người tiếp tục quản lý, sử dụng cho đến khi cụ Hoài chết vào năm 2007. Sau khi cụ Hoài chết, bà H, bà T1, ông T và ông S cùng canh tác, trồng hoa màu trên đất. Ông L không quản lý, sử dụng đất từ trước đến nay. Diện tích đất theo đo đạc thực tế 1.782,1m², thửa 586, tờ bản đồ số 09, tại phường Thạnh Phước, thị xã Tân Uyên là di sản thừa kế do cụ Nguyễn Văn Mừng và cụ Nguyễn Thị Hoài chết để lại nên ông Hòa yêu cầu chia di sản thừa kế cho các đồng thừa kế của cụ Mừng và cụ Hoài gồm 08 người: Bà Nguyễn Thị H, ông Lê Văn H1, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị G, ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Thanh T1 và yêu cầu được chia bằng hiện vật. Ngoài diện tích đất 1.782,1m², thửa 586, tờ bản đồ số 08, cụ Hoài và ông Mừng không còn để lại tài sản nào khác.

Đối với Văn bản khai nhận di sản thừa kế và thỏa thuận phân chia tài sản chung của hộ thì tại thời điểm lập văn bản ngày 27-3-2018, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan mà ông Hòa đại diện do không am hiểu pháp luật, không hiểu nội dung trong văn bản mới ký tên vào văn bản. Do vậy, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm bà Nguyễn Thị H, ông Lê Văn H1, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Thanh T1 yêu cầu Tòa án hủy Văn bản khai nhận di sản thừa kế và thỏa thuận phân chia tài sản chung của hộ do Văn phòng công chứng Trần Hữu Đức công chứng số 1533, quyền số 03/2018/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 27-3-2018.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H, ông Lê Văn H1, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Thanh T1: Các ông, bà đều thống nhất ý kiến trình bày của ông Nguyễn Đức Hòa và yêu cầu được nhận kỷ phần thừa kế bằng hiện vật.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H, ông Lê Văn H1, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Thanh T1 vẫn giữ nguyên yêu cầu độc lập.

Chứng cứ do những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giao nộp: Bản photo biên bản thỏa thuận ngày 17-8-2018, bản sao sổ hộ nghèo, bản photo Giấy sang nhượng đất ngày 30-4-1991; bản chính Giấy xác nhận về việc sang nhượng đất năm 1991 ngày 12-6-2018.

Trong quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng công chứng Trần Hữu Đức trình bày:

Văn phòng công chứng Trần Hữu Đức có công chứng Văn bản khai nhận thừa kế và phân chia tài sản chung của hộ số 1533, quyền số 03/2018/CC-SCC-HĐGD theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00579 QSSD/TU ngày 23-8-1999. Khi tiếp nhận hồ sơ yêu cầu công chứng, công chứng viên đã tiến hành kiểm tra toàn bộ hồ sơ pháp lý, đối chiếu bản chính và bản sao gồm giấy chứng minh nhân dân, hộ khẩu, giấy khai sinh của các con, giấy chứng tử, tờ tường trình quan hệ nhân thân, đơn xác nhận việc chết, đơn xác nhận thành viên hộ, hồ sơ cung cấp thông tin, trích lục hồ sơ địa chính, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, kiểm tra đủ điều kiện làm văn bản khai nhận thừa kế. Sau khi kiểm tra hồ sơ, công chứng viên nhận thấy hồ sơ hợp lệ, các thành viên trong hồ sơ khai nhận phân chia di sản thừa kế có đủ năng lực hành vi dân sự. Do đó, công chứng viên đã tiến hành nhận hồ sơ và soạn thảo văn bản niêm yết. Sau khi niêm yết 15 ngày, Ủy ban nhân dân phường đã trả lời công văn không nhận được đơn khiếu nại, tố cáo có liên quan. Do vậy, những thành viên trong hồ sơ đã yêu cầu công chứng viên soạn thảo văn bản khai nhận thừa kế và thỏa thuận phân chia tài sản chung của hộ theo quy định của pháp luật. Công chứng viên đã giải thích nội dung văn bản cho các thành viên trong hồ sơ hiểu và đồng ý nội dung văn bản. Văn bản được các thành viên trong hồ sơ đọc và ký tên, điểm chỉ trước sự chứng kiến của công chứng viên. Sau đó, công chứng viên đã chứng nhận văn bản theo đúng quy định tại Điều 40, 41 Luật công chứng năm 2014.

Trong quá trình tố tụng người làm chứng ông Trần Văn Nhơn và bà Nguyễn Thị Nga trình bày:

Vào năm 1991, vợ chồng ông Trần Văn Nhơn và bà Nguyễn Thị Nga mua của ông Nguyễn Văn Nuôi diện tích đất 4.600m², tại khu phố Cây Da, phường Thanh Phước, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Thời điểm vợ chồng ông Nhơn, bà Nga mua đất của ông Nuôi thì đất vẫn do ông Nguyễn Văn L canh tác. Sau khi mua đất của ông Nuôi, vợ chồng ông Nhơn, bà Nga cho lại ông L phần đất (nay thuộc thửa 586) để ông L sản xuất và nuôi dưỡng cụ Nguyễn Thị Hoài. Sau đó, cụ Hoài là người đi đăng ký, kê khai và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00579 QSDĐ/TU ngày 23-9-1999 do Ủy ban nhân dân huyện (nay là thị xã) cấp cho hộ cụ Nguyễn Thị Hoài.

Trong quá trình tố tụng người làm chứng ông Nguyễn Ngọc Thành trình bày:

Ông Nguyễn Ngọc Thành là con của ông Nguyễn Văn Nuôi. Vào ngày 30-4-1991, ông Thành (đại diện ông Nuôi) chuyển nhượng cho cụ Nguyễn Thị Hoài diện tích đất 45 sào, tại cánh đồng trạm xá thuộc xã (nay là phường) Thanh Phước, huyện (nay là thị xã) Tân Uyên, tỉnh Bình Dương theo Giấy sang nhượng ruộng đất ngày 30-4-1991. Giấy sang nhượng đất ngày 30-4-1991, được Ủy ban nhân dân xã Thanh Phước, huyện Tân Uyên xác nhận. Ông Thành là người sang nhượng đất cho cụ Hoài; ngoài cụ Hoài, ông Thành không sang nhượng đất cho ai khác.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về thời hạn xét xử vụ án thì việc Tòa án đưa vụ án ra xét xử là quá thời hạn xét xử vụ án theo quy định. Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng các đương sự đã thực hiện đúng quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tranh chấp tài sản chung là quyền sử dụng đất và chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H, ông Lê Văn H1, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Thanh T1 về việc tranh chấp về thừa kế tài sản. Đối với yêu cầu hủy Văn bản khai nhận di sản thừa kế và thỏa thuận phân chia tài sản chung của hộ do Văn phòng công chứng Trần Hữu Đức công chứng số 1533, quyền số 03/2018/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 27-3-2018, nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều thống nhất hủy nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung của hộ cụ Nguyễn Thị Hoài; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H, ông Lê Văn H1, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Thanh T1 yêu cầu chia thừa kế về tài sản đối với quyền sử dụng đất theo kết quả đo đạc thực tế 1.782,1m², thửa 586, tờ bản đồ số 09, tại phường Thanh Phước, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00579 QSDĐ/TU ngày 23-9-1999 do Ủy ban nhân dân huyện (nay là thị xã) cấp cho hộ cụ Nguyễn Thị Hoài. Căn cứ khoản 5, khoản 9 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về tài sản chung là quyền sử dụng đất và tranh chấp về thừa kế tài sản.

[1.2] Tại khởi kiện ngày 27-8-2018, nguyên đơn ông Nguyễn Văn L khởi kiện yêu cầu Tòa án chia tài sản chung của hộ cụ Nguyễn Thị Hoài là quyền sử dụng đất diện tích 1.971m², thuộc thửa 586, tờ bản đồ số 16, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00579 QSDĐ/TU do Ủy ban nhân dân huyện (nay là thị xã) cấp cho hộ cụ Nguyễn Thị Hoài vào ngày 23-8-1999; ông L yêu cầu chia cho ông L 1.671m², chia cho 03 người gồm bà Nguyễn Thị G, bà Nguyễn Thị Thanh T1 và bà Nguyễn Trần Hải G, mỗi người 100m². Tại đơn khởi kiện thay đổi, bổ sung ngày 09-5-2019, Văn bản xác nhận nội dung khởi kiện ngày 29-5-2019, ông L yêu cầu công nhận cho ông L diện tích đất 1.082,1m² trong tổng diện tích đất theo kết quả đo đạc thực tế 1.782,1m², thửa đất số 586, tờ bản đồ số 09; diện tích đất còn lại 700m², ông L tặng cho cho các anh, chị, em ông L là bà Nguyễn Thị H, ông Lê Văn H1, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị G và bà Nguyễn Thị Thanh T1 mỗi người 100m² đất. Tại Văn bản xác nhận nội dung khởi kiện ngày 16-8-2019 và tại phiên tòa, nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu chia cho ông L diện tích đất 1.082,1m², diện tích đất còn lại 700m² chia đều cho 07 người gồm: Bà Nguyễn Thị H, ông Lê Văn H1, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị G và bà Nguyễn Thị Thanh T1 mỗi người 100m². Như vậy, so với đơn khởi kiện ban đầu ngày 27-8-2018, thì tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu chia diện tích đất 1.082,1m²; phần đất còn lại 700m² chia đều cho 07 (thay đổi số người được chia so với đơn khởi kiện ngày 27-8-2018). Căn cứ Điều 5, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[1.3] Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng công chứng Tân Uyên có đơn xin xét xử vắng mặt; người làm chứng ông Nguyễn Ngọc Thành có đơn xin xét xử vắng mặt; ông Trần Văn Nhơn và bà Nguyễn Thị Nga, vắng mặt. Căn cứ Điều 228, 229 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng nêu trên.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ huyết thống: Nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều thống nhất thừa nhận cụ Nguyễn Thị Hoài, sinh năm 1926, chết năm 2007 và cụ Nguyễn Văn Mừng, sinh năm 1919, chết năm 2001 có tất cả 08 người con gồm: Bà Nguyễn Thị H, ông Lê Văn H1, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị G, ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Thanh T1. Ngoài những người con chung trên, cụ Mừng và cụ Hoài không còn con riêng, con nuôi nào khác. Như vậy, có đủ căn cứ xác định hàng thừa kế của cụ Hoài và cụ Mừng gồm 08 người nêu trên.

[2.2] Về nguồn gốc đất tranh chấp: Thửa đất số 586, tờ bản đồ số 09, diện tích đo đạc thực tế 1.782,1m², tại phường Thạnh Phước, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương có nguồn gốc do ông Trần Văn Nhơn nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn Nuôi vào năm 1991. Sau khi nhận chuyển nhượng đất của ông Nuôi, ông Nhơn cho lại ông L sản xuất với điều kiện là ông L phải nuôi dưỡng bà Nguyễn Thị Hoài, được ông Trần Văn Nhơn và bà Nguyễn Thị Nga (vợ ông Nhơn) thừa nhận và đã được xác định trong Bản án phúc thẩm số 178/DSPT ngày 26-12-2002 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương; đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do vậy, có căn cứ xác định nguồn gốc đất tranh chấp là ông Trần Văn Nhơn mua lại của ông Nguyễn Văn Nuôi và cho ông Nguyễn Văn L sản xuất. Ý kiến trình bày của nguyên đơn về nguồn gốc đất tranh chấp là có căn cứ chấp nhận; ý kiến trình bày của bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về nguồn gốc đất tranh chấp cũng như chứng cứ là Giấy sang nhượng đất ngày 30-4-1991 do người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đức Hòa giao nộp, là không có căn cứ chấp nhận.

[2.3] Về việc kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Vào năm 1998, cụ Nguyễn Thị Hoài làm đơn đăng ký quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 3.192m², trong đó có thửa 586, diện tích 1.971m². Ngày 23-8-1999, Ủy ban nhân dân huyện (nay là thị xã) Tân Uyên, tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00579 QSDĐ/TU cho hộ cụ Nguyễn Thị Hoài. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn thừa nhận thời điểm cụ Hoài đăng ký, kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 3.192m² trong đó có thửa 586 thì ông L ở cùng hộ khẩu với cụ Hoài, ông L biết và không có ý kiến hay khiếu nại, tranh chấp liên quan đến việc cụ Hoài đi đăng ký, kê khai để xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 1.971m². Theo Biên bản xác minh ngày 08-3-2019 của Tòa án (Bút lục 169-171) tại Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương thì tại thời điểm cấp đất hộ cụ Hoài có 06 thành viên gồm cụ Nguyễn Thị Hoài, cụ Nguyễn Văn Mừng, bà Nguyễn Thị G, bà Nguyễn Thị Thanh T1, ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Trần Hải G. Căn cứ Điều 118 của Bộ luật Dân sự năm 1995, có căn cứ xác định diện tích đất 1.971m² (đo đạc thực tế 1.782,1m²), thửa 586, tờ bản đồ số 09, tại phường Thạnh Phước, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, là tài sản chung của hộ gia đình bà Nguyễn Thị Hoài và đã được xác định trong Bản án phúc thẩm số 178/DSPT ngày 26-12-2002 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình

Dương; đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định điểm b khoản 1 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do vậy, việc nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn cho rằng đây là tài sản riêng của ông Nguyễn Văn L, là không có căn cứ chấp nhận.

[2.4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia tài sản chung của hộ cụ Nguyễn Thị Hoài, Hội đồng xét xử xét thấy: Thửa đất 586, tờ bản đồ số 09, diện tích đất theo kết quả đo đạc thực tế $1.782,1\text{m}^2$ là tài sản chung của hộ gia đình cụ Nguyễn Thị Hoài. Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ cụ Hoài thì bà Nguyễn Trần Hải G (con của ông Nguyễn Văn L), sinh năm 1990 còn nhỏ, chưa có công sức đóng góp gì trong việc hình thành tài sản của hộ cụ Nguyễn Thị Hoài. Do vậy, có căn cứ xác định quyền sử dụng đất diện tích $1.782,1\text{m}^2$ là tài sản chung của hộ cụ Nguyễn Thị Hoài gồm 05 thành viên là cụ Nguyễn Thị Hoài, cụ Nguyễn Văn Mừng, ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị G và bà Nguyễn Thị Thanh T1. Xét về nguồn gốc đất tranh chấp như mục 2.2 nêu trên thì đất có nguồn gốc là do ông Trần Văn Nhơn mua của ông Nguyễn Văn Nuôi và cho lại ông L sản xuất, ông L cũng là người trực tiếp canh tác và thực hiện nghĩa vụ nộp thuế đối với Nhà nước từ khi ông L được cho đất đến năm 2001. Như vậy, tuy ông L đã sáp nhập vào tài sản chung của hộ gia đình nhưng ông L là người có công sức lớn trong việc hình thành tài sản chung của hộ bà Hoài. Do vậy, khi giải quyết chia tài sản chung của hộ cụ Nguyễn Thị Hoài, cần xem xét đến nguồn gốc hình thành tài sản cũng như việc thực hiện nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước để chia cho ông L hưởng phần tài sản nhiều hơn so với các thành viên khác trong hộ cụ Hoài là $50\% \times 1.782,1\text{m}^2 = 891,05\text{m}^2$, tương đương 4.455.250.000 đồng; phần diện tích đất còn lại $891,05\text{m}^2$ chia đều cho 04 thành viên trong hộ cụ Hoài gồm: Cụ Nguyễn Thị Hoài, cụ Nguyễn Văn Mừng, bà Nguyễn Thị G và bà Nguyễn Thị Thanh T1, mỗi người $222,7\text{m}^2$, tương đương: 1.113.812.500 đồng.

[2.5] Xét yêu cầu của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về việc chia thừa kế về tài sản do cụ Hoài, cụ Mừng chết để lại, Hội đồng xét xử xét thấy: Như mục 2.4 đã phân tích, cụ Hoài và cụ Mừng được chia diện tích đất $222,7\text{m}^2 \times 2 = 445,5\text{m}^2$, tương đương 2.227.625.000 đồng. Ngoài diện tích đất này, cụ Hoài và cụ Mừng không còn để lại tài sản nào khác. Do cụ Hoài và cụ Mừng đã chết, căn cứ Điều 634 của Bộ luật Dân sự năm 2005 thì phần diện tích đất $445,5\text{m}^2$ là di sản thừa kế do cụ Hoài và cụ Mừng chết để lại. Cụ Hoài và cụ Mừng chết không để lại di chúc. Tại phiên tòa, các đương sự đều thống nhất xác định sau khi cụ Hoài chết (năm 2007), bà Nguyễn Thị H là người trực tiếp canh tác và quản lý đất tranh chấp, tuy nhiên bà H không yêu cầu Tòa án tính công sức gìn giữ nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Do vậy, căn cứ Điều 676 của Bộ luật Dân sự năm 2005, Hội đồng xét xử chia di sản thừa kế do cụ Nguyễn Thị Hoài và cụ Nguyễn Văn Mừng là diện tích đất $445,5\text{m}^2$, thửa 586 cho các đồng thừa kế của cụ Hoài và cụ Mừng gồm 08 người là bà Nguyễn Thị H, ông Lê Văn H1, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị G, ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Thanh T1, mỗi kỹ phần là diện tích đất $55,68\text{m}^2$, tương đương 278.437.500 đồng. Tại phiên tòa, bị đơn

và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan yêu cầu được nhận kỷ phần thừa kế là quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, diện tích đất 445,5m² nếu chia đều cho các đồng thừa kế của cụ Hoài và cụ Mừng sẽ không đảm bảo diện tích sử dụng theo quy định. Do vậy, Hội đồng xét xử xem xét chia diện tích đất 445,5m² bằng giá trị cho các ông, bà gồm: Ông Lê Văn H1, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H, mỗi người 278.437.500 đồng; chia bằng hiện vật là quyền sử dụng đất cho các ông, bà gồm: Bà Nguyễn Thị G, ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Thanh T1, mỗi người 148,5m², tương đương 742.500.000 đồng; ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị G và bà Nguyễn Thị Thanh T1 có trách nhiệm hoàn trả giá trị kỷ phần thừa kế cho các ông, bà gồm: Ông Lê Văn H1, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị H mỗi người 278.437.500 đồng, tổng cộng 1.392.187.500 đồng; trong đó ông L, bà G, bà T1 mỗi người có nghĩa vụ thanh toán cho các đồng thừa kế là 464.062.500 đồng.

Như vậy, tổng diện tích đất ông L được chia là 1.039,5m² (trong đó 891,05m² là tài sản chung được chia và 148,5m² là kỷ phần thừa kế được chia); bà Nguyễn Thị G, Nguyễn Thị Thanh T1, mỗi người được chia 371,2m² diện tích đất (trong đó 222,7m² là phần tài sản chung được chia và 148,5m² đất là kỷ phần thừa kế được chia).

[2.6] Đối với Văn bản khai nhận di sản thừa kế và thỏa thuận phân chia tài sản chung của hộ do Văn phòng công chứng Trần Hữu Đức công chứng số 1533, quyền số 03/2018/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 27-3-2018. Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, người đại diện hợp pháp của bị đơn, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H, ông Lê Văn H1, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Thanh T1 đều thống nhất yêu cầu hủy nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.6] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia tài sản chung và một phần yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H, ông Lê Văn H1, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Thanh T1 về việc chia thừa kế về tài sản của hộ bà Nguyễn Thị Hoài đối với diện tích đất 1.782,1m², thửa 586, tờ bản đồ số 09, tại phường Thạnh Phước, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

[2.7] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá: Các đương sự phải chịu theo quy định tại Điều 157 và 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 26, 34, 35, 92, 147, 157, 165, 228, 229, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 224, 634, 674, 675, 676, 685, 733, 734 của Bộ luật Dân sự năm 2005;
- Điều 99, 100 của Luật đất đai năm 2013.
- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lỗi, lỗi suất, phạt vi phạm.
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự về việc hủy Văn bản khai nhận di sản thừa kế và thỏa thuận phân chia tài sản chung của hộ do Văn phòng công chứng Trần Hữu Đức công chứng số 1533, quyền số 03/2018/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 27-3-2018.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn L về việc tranh chấp chia tài sản chung là quyền sử dụng đất đối với bị đơn bà Nguyễn Thị G.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H, ông Lê Văn H1, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Thanh T1 về việc tranh chấp về thừa kế tài sản.

4. Chia quyền sử dụng đất diện tích theo kết quả đo đạc thực tế 1.782,1m² (trong đó có 581,4m² thuộc hành lang an toàn đường bộ), thuộc thửa đất 586, tờ bản đồ số 09, tại phường Thạnh Phước, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00579 QSDĐ/TU do Ủy ban nhân dân huyện (nay là thị xã) Tân Uyên cấp cho hộ cụ Nguyễn Thị Hoài ngày 23-8-1999 như sau:

- Ông Nguyễn Văn L được chia tài sản chung là diện tích đất 891,05m² và hưởng kỷ phần thừa kế là diện tích đất 148,5m²; tổng cộng 1.039,5m² đất lúa (trong đó có 370,5m² đất thuộc hành lang an toàn đường bộ), đất có tứ cận: Hướng Bắc giáp phần đất bà Nguyễn Thị Thanh T1 được chia; hướng Nam giáp thửa đất 611 và 858; hướng Đông giáp đường ĐT-747; hướng Tây giáp thửa đất 526; (Vị trí C trên sơ đồ bản vẽ kèm theo);

- Bà Nguyễn Thị Thanh T1 được chia tài sản chung là diện tích đất 222,7m² và hưởng kỷ phần thừa kế là diện tích đất 148,5m²; tổng cộng 371,2m² đất lúa (trong đó có 105,5m² đất thuộc hành lang an toàn đường bộ), đất có tứ cận: Hướng Bắc giáp phần đất bà Nguyễn Thị G được chia; hướng Nam giáp

phần đất ông Nguyễn Văn L được chia; hướng Đông giáp đường ĐT-747; hướng Tây giáp thửa đất 526; (Vị trí B trên sơ đồ bản vẽ kèm theo);

- Bà Nguyễn Thị G được chia tài sản chung là diện tích đất 222,7m² và hưởng kỷ phần thừa kế là diện tích đất 148,5m²; tổng cộng 371,2m² đất lúa (trong đó có 105,4m² thuộc hành lang an toàn đường bộ), đất có tứ cận: Hướng Bắc giáp thửa đất 524; hướng Nam giáp phần đất bà Nguyễn Thị Thanh T1 được chia; hướng Đông giáp đường ĐT-747; hướng Tây giáp thửa đất 526; (Vị trí A trên sơ đồ bản vẽ kèm theo);

5. Kiến nghị Ủy ban nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N204279, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00579 QSSĐ/TU do Ủy ban nhân dân huyện (nay là thị xã) Tân Uyên cấp cho hộ bà Nguyễn Thị Hoài vào ngày 23-8-1999 để cấp lại cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

6. Ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị G, bà Nguyễn Thị Thanh T1 có trách nhiệm thanh toán giá trị kỷ phần thừa kế cho bà Nguyễn Thị H, ông Lê Văn H1, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn S và ông Nguyễn Văn T mỗi người 278.437.500 đồng (tương đương 55,68m²), tổng cộng 1.392.187.500 đồng; trong đó ông L, bà G, bà T1 mỗi người có nghĩa vụ thanh toán cho các đồng thừa kế là 464.062.500 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

7. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông Nguyễn Văn L phải chịu 1.241.333 đồng (đã thực hiện xong); bà Nguyễn Thị G và Nguyễn Thị Thanh T1 mỗi người phải nộp 1.241.000 đồng để trả lại cho ông Nguyễn Văn L.

8. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Văn L phải chịu 112.733.750 đồng, được khấu trừ vào 5.000.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0014368 ngày 07-9-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên, ông Nguyễn Văn L còn phải chịu 107.733.750 đồng.

- Bà Nguyễn Thị G phải chịu 53.767.500 đồng.

- Bà Nguyễn Thị H, ông Lê Văn H1, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn S và ông Nguyễn Văn T là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí theo quy định.

- Bà Nguyễn Thị Thanh T1 thuộc hộ nghèo nên được miễn nộp tiền án phí theo quy định.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Tân Uyên;
- Chi cục THADS thị xã Tân Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Hương Diệp